

Số: /QĐ-SYT

Thanh Hóa, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Y tế dự phòng, Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, cho các đơn vị y tế trong toàn ngành, năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý; Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017; Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 2235/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017; Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1941/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 7272/BYT-KHTC ngày 27/12/2020 của Bộ Y tế về việc triển khai các giải pháp để duy trì và nâng cao các kết quả của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong giai đoạn tới;

Căn cứ Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc đảm bảo tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ vào Kế hoạch hành động số 01/KH-SYT ngày 01/01/2020 của Giám đốc Sở Y tế về việc thực hiện Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2020 và đăng ký chỉ tiêu năm 2021 của các đơn vị;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế tỉnh Thanh Hoá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch Y tế dự phòng, Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong toàn ngành, năm 2021 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các phòng Sở Y tế và các đơn vị:

1. Các phòng chức năng của Sở Y tế: Phối hợp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã giao.

2. Đối với các đơn vị, chủ các Dự án thành phần của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số:

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 được giao, phối hợp với các đơn vị lập kế hoạch chi tiết hoạt động năm 2021, tổ chức triển khai thực hiện, cân đối các nguồn thu, chi theo chế độ hiện hành để hoàn thành nhiệm vụ.

- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch về Sở Y tế theo quy định, đề xuất khó khăn, vướng mắc của đơn vị với Lãnh đạo Sở Y tế để có biện pháp giải quyết.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng của Sở Y tế, Chi cục trưởng: Dân số - KHHGD, An toàn Vệ sinh thực phẩm, Giám đốc Bệnh viện: Da liễu, Nội tiết, Phổi, Tâm thần, Giám đốc Trung tâm Y tế tuyến tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Giám đốc, các Phó giám đốc Sở;
- Các phòng của Sở Y tế (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC01_(HoangNV).

GIÁM ĐỐC

Trịnh Hữu Hùng

Phụ lục:
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH Y TẾ DỰ PHÒNG,
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày /01/2021 của Giám đốc Sở Y tế)

I. DỰ ÁN 1: PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH TRUYỀN NHIỄM NGUY HIỂM VÀ CÁC BỆNH KHÔNG LÂY NHIỄM PHỔ BIẾN.

1. Hoạt động phòng, chống Lao.

- Huyện, thị xã, thành phố có công tác chống lao (CTCL): 27 huyện;
- Xã, phường có CTCL: 559 xã, phường, thị trấn;
- Tỷ lệ điều trị thành công BN lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học > 90%.
- Tỷ lệ số huyện không thiếu thuốc, trang bị xét nghiệm và các cung ứng y tế khác: 100%.

2. Hoạt động phòng, chống phong.

- Tỷ lệ phát hiện: 0,10%;
- Tỷ lệ tàn tật độ II/BN mới: 20%;
- Duy trì 100% bệnh nhân phong dị hình tàn tật được chăm sóc y tế, trong đó 50% bệnh nhân tàn tật được phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng.

3. Hoạt động phòng, chống Sốt rét.

- 100% người nghi ngờ sốt rét đến khám bệnh được làm xét nghiệm chẩn đoán sốt rét trong vòng 2 giờ.
- 100% người nhiễm ký sinh trùng sốt rét được điều trị đúng theo phác đồ của Bộ Y tế ban hành
- 100% trường hợp bệnh sốt rét được điều tra, báo cáo đúng hạn theo hướng dẫn quốc gia
- 100% ổ bệnh sốt rét được xử lý kịp thời trong vòng 7 ngày kể từ khi phát hiện ca bệnh đầu tiên.
- Không để dịch sốt rét xảy ra, không để tử vong do sốt rét. Thực hiện các hoạt động loại trừ sốt rét ở quy mô tỉnh; đồng thời tiếp tục củng cố các yếu tố bền vững trong phòng chống sốt rét chuyển sang giai đoạn đề phòng sốt rét quay trở lại.

4. Hoạt động phòng, chống Sốt xuất huyết:

- Tỷ lệ mắc sốt xuất huyết trên 100.000 dân (4,56/100.000 dân).
- Không chế tỷ lệ chết/mắc hàng năm do sốt xuất huyết < 0,09%.
- 40% bệnh nhân nghi mắc sốt xuất huyết được chẩn đoán huyết thanh (Test nhanh hoặc ELISA).

- 3% bệnh nhân trong ổ dịch sốt xuất huyết tập trung được phân lập vi rút hoặc xét nghiệm PCR.

- 50% xã nguy cơ thực hiện chiến dịch phun hóa chất diệt muỗi chủ động phòng chống sốt xuất huyết (1 lần/năm).

- 80% số hộ gia đình tại xã nguy cơ đảm bảo không có lăng quăng, bọ gậy trong hộ gia đình.

- 100% ổ dịch sốt xuất huyết được xử lý theo quy định về chuyên môn và thời gian.

5. Hoạt động Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng.

- Số xã triển khai: 123 xã;

Trong đó: Duy trì 118 xã và triển khai mới 05 xã.

- Phát hiện quản lý bệnh nhân: 2.000 bệnh nhân

- Điều trị ổn định: 3.000 bệnh nhân;

- Giảm tỷ lệ hành vi gây rối xuống dưới 30%; giảm tỷ lệ hành vi nguy hại xuống dưới 25%; giảm tỷ lệ mãn tính tàn phế xuống dưới 20%;

- Duy trì 80% số xã, phường quản lý bệnh nhân tâm thần phân liệt;

- Duy trì 80% số xã, phường quản lý bệnh nhân động kinh;

- Duy trì 5% số xã, phường quản lý bệnh nhân rối loạn trầm cảm;

- Quản lý, điều trị và phục hồi chức năng tại cộng đồng cho 85% số bệnh nhân tại các xã, phường đã được triển khai.

6. Hoạt động phòng, chống Ung thư:

- Tuyên truyền người dân hiểu biết đúng về bệnh ung thư.

- Tổ chức khám sàng lọc phát hiện sớm người mắc ung thư cổ tử cung, cho ≥ 04 xã;

7. Hoạt động phòng, chống tim mạch:

- Tổ chức khám sàng lọc tăng huyết áp đạt cho ≥ 04 xã.

- Nâng cao nhận thức của nhân dân về phòng chống và kiểm soát bệnh tăng huyết áp, tăng tỷ lệ cho người được hiểu biết đúng: 50%;

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực làm công tác dự phòng và quản lý bệnh nhân tăng huyết áp;

- Xây dựng, triển khai và duy trì bền vững mô hình quản lý bệnh nhân tăng huyết áp.

8. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường, các rối loạn do thiếu Iốt:

- Kiểm tra giám sát công tác quản lý bệnh đái tháo đường và các bệnh nội tiết khác ở 03 huyện và 30 xã.

- Duy trì độ phủ muối I ốt >90%.
- Đánh giá tỷ lệ bướu cổ học đường tại huyện Quảng Xương và bướu cổ cộng đồng tại huyện Hoằng Hóa.
- Giám sát muối I ốt tại 840 hộ gia đình.

9. Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản.

- Tỷ lệ người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng đạt 35%;
- Tỷ lệ người mắc bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen: 35%.

10. Hoạt động Y tế học đường:

- Nâng cao nhận thức của học sinh về lĩnh vực y tế học đường, tăng tỷ lệ cho học sinh được hiểu biết về lĩnh vực y tế học đường;
- Kiểm tra, giám sát đánh giá hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh, điều kiện vệ sinh trường học tại 100 trường học;
- 70% các trường tổ chức triển khai khám sàng lọc tư vấn điều trị cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường, cận thị, thừa cân, béo phì.

II. DỰ ÁN 2: TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG.

- Bảo vệ thành quả thanh toán bại liệt.
- Duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh (100% huyện duy trì thành quả loại trừ UVSS).
- Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin (lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, sởi, viêm gan B, Hib) cho trẻ dưới 1 tuổi đạt trên 95%.
- Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin viêm gan B sơ sinh 24 giờ đầu đạt $\geq 80\%$.
- Tỷ lệ PNCT được tiêm đủ mũi vắc xin uốn ván (UV2+) đạt $\geq 85\%$.
- Tỷ lệ trẻ được tiêm vắc xin sởi – rubella đạt $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin viêm não Nhật Bản đạt $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ trẻ được tiêm nhắc vắc xin DPT đạt $\geq 80\%$.
- 100% các bệnh trong Chương trình TCMR được giám sát.
- Tỷ lệ tiêm vắc xin IPV cho trẻ dưới 1 tuổi đạt $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ mắc sởi $\leq 5/100.000$ dân.
- Tỷ lệ mắc bạch hầu $\leq 0,02/100.000$ dân.
- Tỷ lệ mắc ho gà $\leq 1/100.000$ dân.
- Trên 90% trẻ 7 tuổi (học lớp 2) được tiêm bổ sung vắc xin uốn ván – bạch hầu giảm liều (Td).

- Trên 90% trẻ 2-4 tuổi được tiêm bổ sung vắc xin Bạch liệt bất hoạt (IPV).
- Giám sát, báo cáo và xử lý kịp thời 100% các trường hợp phản ứng nặng sau tiêm chủng.

III. DỰ ÁN 3: DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

1. Chỉ tiêu Dân số và giảm sinh.

- Tỷ lệ tăng dân số <1%
- Mức giảm tỷ suất sinh: 0,1‰;
- Tỷ số giới tính khi sinh: 113,5 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái;
- Tuổi thọ trung bình: 74,1 tuổi.
- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh 30%, tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh lên 45%.

1.2. Chỉ tiêu Kế hoạch hóa gia đình.

- Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại là 70%.
- Giảm 15% số người chưa thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

1.3. Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Trên 95% phụ nữ có thai được quản lý thai nghén.
- Trên 90% phụ nữ có thai được khám thai 3 lần trong thời kỳ thai nghén.
- Trên 95% phụ nữ đẻ được nhân viên Y tế hỗ trợ chăm sóc.
- Trên 95% bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tuần đầu sau sinh.
- Trên 95% phụ nữ đẻ được tiêm phòng uốn ván đủ mũi.

1.4. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: $\leq 14,2\%$
- Trên 96% trẻ từ 6 – 60 tháng tuổi được uống vitamin A.
- Trên 95% bà mẹ sau đẻ trong vòng 1 tháng được uống vitamin A.

IV. DỰ ÁN 4: AN TOÀN THỰC PHẨM.

- Giảm 5% số vụ ngộ độc thực phẩm bữa ăn tập thể từ 30 người mắc/vụ trung bình giai đoạn 2021-2025 so với trung bình giai đoạn 2016 -2020.

- Tỷ lệ mắc ngộ độc cấp tính trong vụ ngộ độc thực phẩm được ghi nhận trên 100.000 dân <7 ca.

- 80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng và người quản lý được cập nhật kiến thức về ATTP.

- Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/Tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát về ATTP <6%.

V. DỰ ÁN 5: PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS

- 60% người nghiện chích ma túy tiếp cận với chương trình bơm kim tiêm sạch.
- 3.200 phụ nữ bán dâm và nam có quan hệ tình dục đồng giới được tiếp cận chương trình bao cao su.
- Trên 3.600 người nghiện các chất dạng thuốc phiện được đưa vào điều trị thay thế bằng thuốc Methadone và Buprenorphine.
- 100% số huyện triển khai giám sát phát hiện HIV và giám sát phát hiện trường hợp nhiễm HIV theo đúng hướng dẫn quốc gia về xét nghiệm huyết thanh học HIV theo quy định của Bộ Y tế.
- 850 người được điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (PrEP).
- 100% các huyện triển khai giám sát trọng điểm trên nhóm nghiện chích ma túy đảm bảo cỡ mẫu theo quy định của Bộ Y tế.
- Xét nghiệm 37.160 đối tượng hành vi nguy cơ cao (bao gồm xét nghiệm cho NCMT: 21.400; MSM: 1.900; PNBĐ: 2.620; 1.000 phụ nữ mang thai. Vợ/chồng/bạn tình: 3.040; Tại các trại giam: 6.700; Tại trại tạm giam: 500) và phát hiện 300 người HIV (+) mới.
- Duy trì trên 90% người được điều trị ARV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng ức chế.
- 100% số bệnh nhân mới đăng ký được dự phòng bằng Cotrimoxazol.
- 90% số bệnh nhân HIV mắc lao được điều trị bằng lao (100% bệnh nhân được sàng lọc lao qua mỗi lần tái khám; 100% BN phát hiện lao được điều trị).
- 100% số người nhiễm HIV điều trị ARV được tiếp cận với dịch vụ y tế thanh toán qua Bảo hiểm y tế (trừ bệnh nhân ARV trong các trại giam, trại tạm giam và Trung tâm 06).
- 100% số phụ nữ mang thai nhiễm HIV và con của họ được điều trị dự phòng lây truyền HIV bằng thuốc ARV.

VI. DỰ ÁN 6: BẢO ĐẢM MÁU AN TOÀN VÀ PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ BỆNH LÝ HUYẾT HỌC

- 100% số bệnh nhân mắc bệnh tan máu bẩm sinh (bệnh thalassemia) có đủ khả năng chẩn đoán và điều trị;
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực làm công tác an toàn truyền máu;
- Xây dựng, triển khai các hoạt động vận động hiến máu tình nguyện, cung cấp và sử dụng máu an toàn.

VII. DỰ ÁN 7: QUÂN DÂN Y KẾT HỢP:

- Xây dựng khu vực phòng thủ có chiều sâu gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương theo Nghị định số

21/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ.

- Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự trên đất liền cho dân quân tự vệ, dự bị động viên.

- Tham gia công tác vận động quần chúng, giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo tại các vùng sâu, vùng xa. Tổ chức tuyên truyền về các hoạt động kết hợp quân dân y, củng cố y tế cơ sở, đặc biệt là Trạm y tế kết hợp quân dân y tại các xã biên giới.

- Kết hợp lực lượng quân dân y trong tổ chức khám, chữa bệnh cơ động cho các đối tượng chính sách, nạn nhân nhiễm chất độc Dioxin, đồng bào dân tộc, người nghèo, hoạt động lồng ghép khám, chữa bệnh, phòng chống dịch đột xuất với khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa và củng cố quốc phòng, an ninh.

- Tham gia diễn tập tác chiến khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã, thành phố trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện vận hành Cơ chế 02/BCT của Bộ Chính trị. Kết hợp diễn tập chiến đấu trị an với phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy rừng, phòng chống cháy nổ.

VIII. DỰ ÁN 8: THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ TRUYỀN THÔNG Y TẾ:

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ cán bộ thuộc các dự án của chương trình;

- Theo dõi, giám sát thường xuyên các hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế tại các huyện;

- Tổ chức thực hiện truyền thông phòng chống các bệnh xã hội, dịch bệnh nguy hiểm theo đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

IX. CHỈ TIÊU VỀ GIÁM ĐỊNH PHÁP Y (Trung tâm Pháp y)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (ca)
1	GDPY về thương tích	650
2	GDPY lại về thương tích lần thứ nhất	30
3	GDPY về tử thi	70
4	GDPY về mô bệnh học	60
5	GDPY về xâm hại tình dục	90
6	GDPY về hóa pháp	100
7	GDPY về ADN	80
8	GDPY về cơ chế hình thành thương tích	300
9	GDPY trên hồ sơ	100
10	Các loại hình giám định khác	60